



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
trình độ Đại học - Đợt 3/2022

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17/09/2014 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 01/06/2017 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học vừa làm vừa học theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét tốt nghiệp ngày 18 tháng 08 năm 2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp 204 (Hai lẻ bốn) bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh, 02 (Hai) bằng Kỹ sư Quản lý hoạt động bay, 21 (Hai mươi mốt) bằng Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, 12 (Mười hai) bằng Kỹ sư Kỹ thuật Hàng không cho các sinh viên tốt nghiệp trình độ Đại học - Đợt 3/2022 (Theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;

- Lưu VT



TS. Nguyễn Thanh Dũng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - ĐỢT 03/2022

(Đính kèm quyết định số: 611 /QĐ-HVHKVN ngày tháng năm 2022)

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
1	1753020032	Phạm Bảo	Giang	11/12/1998	17ĐHĐT01	3.15	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
2	1753020065	Lê Thị Hồng	Gấm	26/02/1999	17ĐHĐT02	2.75	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
3	1753020082	Lê Hồng	Hải	17/04/1999	17ĐHĐT02	2.92	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
4	1753020061	Trần Văn	Son	03/02/1999	17ĐHĐT02	2.97	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
5	1753020068	Nguyễn Văn	Thắng	20/12/1999	17ĐHĐT02	2.85	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
6	1853020018	Đinh Xuân	An	01/01/2000	18ĐHĐT01	2.82	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
7	1853020066	Nguyễn Vê	Đăng	31/12/2000	18ĐHĐT01	3.21	Giỏi	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
8	1853020009	Lê Khánh	Duy	25/10/2000	18ĐHĐT01	2.97	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
9	1853020062	Đặng Hoàng	Phúc	27/06/2000	18ĐHĐT01	2.65	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
10	1853020021	Nguyễn Đăng Duy	Quang	10/04/2000	18ĐHĐT01	2.61	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
11	1853020054	Trịnh Công	Đạt	23/08/2000	18ĐHĐT02	3.55	Giỏi	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
12	1853020048	Lê Huỳnh	Lam	15/09/2000	18ĐHĐT02	3.52	Giỏi	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
13	1853020053	Nguyễn Phương	Phuong	07/07/2000	18ĐHĐT02	2.9	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
14	1653020002	Trần Thanh	Quân	20/10/1998	ĐV1-K10	2.16	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
15	1653020048	Lê Anh	Tuấn	25/08/1998	ĐV1-K10	2.14	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
16	1453020127	Đinh Đỗ Xuân	Thắm	03/01/1996	ĐV1-K8	2.38	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
17	1553020046	Đào Cẩm Ngọc	Diệp	14/09/1996	ĐV1-K9	2.43	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
18	1553020011	Nguyễn Thị	Mỹ	13/06/1997	ĐV1-K9	2.38	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
19	1653020088	Võ Minh	Tuấn	18/04/1998	ĐV2-K10	2.41	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
20	1453020106	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	18/02/1995	ĐV2-K8	2.32	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
21	1453020052	Kiều Ngọc Phương	Tuấn	09/01/1996	ĐV2-K9	2.14	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
22	1751200044	Nguyễn Trương	An	23/09/1999	17ĐHKT01	2.64	Khá	Kỹ thuật Hàng không
23	1751200068	Sroy	Chandarith	14/10/1997	17ĐHKT01	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Hàng không

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
24	1751200054	Ngô Hải	Đặng	17/12/1999	17ĐHKT01	2.89	Khá	Kỹ thuật Hàng không
25	1751200027	Nguyễn Thành	Đạt	07/04/1999	17ĐHKT01	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
26	1751200039	Nguyễn Văn	Hoàng	28/09/1999	17ĐHKT01	2.98	Khá	Kỹ thuật Hàng không
27	1751200050	Nguyễn Văn	Khang	20/05/1999	17ĐHKT01	2.82	Khá	Kỹ thuật Hàng không
28	1751200038	Nguyễn Anh	Khôi	22/05/1999	17ĐHKT01	3.17	Khá	Kỹ thuật Hàng không
29	1751200064	Thy	Limsoeng	16/07/1995	17ĐHKT01	2.68	Khá	Kỹ thuật Hàng không
30	1751200057	Võ Như	Mai	26/11/1999	17ĐHKT01	3.37	Khá	Kỹ thuật Hàng không
31	1751200035	Hà Quang	Phước	12/09/1999	17ĐHKT01	3.85	Xuất sắc	Kỹ thuật Hàng không
32	1751200065	Samath	Sokpisa	18/10/1998	17ĐHKT01	2.81	Khá	Kỹ thuật Hàng không
33	1751200043	Trần Thị Thu	Uyên	20/02/1999	17ĐHKT01	2.9	Khá	Kỹ thuật Hàng không
34	1756060018	Nguyễn Tấn	Đạt	13/04/1999	17ĐHKL01	3.61	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
35	1756060006	Phan Quang	Minh	25/06/1999	17ĐHKL01	3.6	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
36	1751010441	Phạm Quốc	Bảo	06/09/1999	17ĐHQTC	2.68	Khá	Quản trị kinh doanh
37	1751010234	Nguyễn Thùy	Duyên	15/04/1999	17ĐHQTC	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh
38	1751010365	Huỳnh Thị Hồng	Khoa	19/09/1999	17ĐHQTC	3.15	Khá	Quản trị kinh doanh
39	1551010385	Đặng Nguyễn	Lâm	20/08/1997	17ĐHQTC	2.81	Khá	Quản trị kinh doanh
40	1751010444	Đinh Thanh	Lâm	08/10/1999	17ĐHQTC	2.76	Khá	Quản trị kinh doanh
41	1751010417	Đoàn Thị Thùy0	Linh	11/06/1999	17ĐHQTC	3.2	Giỏi	Quản trị kinh doanh
42	1751010203	Hoàng Thị Thanh	Thủy	06/01/1999	17ĐHQTC	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh
43	1751010180	Trần Thị	Hon	17/01/1999	17ĐHQTDL	2.64	Khá	Quản trị kinh doanh
44	1751010248	Nguyễn Văn	Hùng	21/10/1999	17ĐHQTDL	2.6	Khá	Quản trị kinh doanh
45	1751010379	Trần Thị Kim	Hương	02/06/1999	17ĐHQTDL	2.86	Khá	Quản trị kinh doanh
46	1751010355	Ngô Thị Tuyết	Linh	27/08/1999	17ĐHQTDL	2.86	Khá	Quản trị kinh doanh
47	1751010341	Lâm Trà	Mi	01/03/1999	17ĐHQTDL	2.64	Khá	Quản trị kinh doanh
48	1751010268	Huỳnh Thị Ý	Nhi	30/05/1999	17ĐHQTDL	2.41	Trung bình	Quản trị kinh doanh
49	1751010387	Trần Hữu	Thiện	06/07/1999	17ĐHQTDL	3.14	Khá	Quản trị kinh doanh
50	1751010370	Nguyễn Thị Minh	Thơ	13/06/1999	17ĐHQTDL	3.24	Giỏi	Quản trị kinh doanh
51	1751010292	Nguyễn Thị Minh	Thư	19/10/1999	17ĐHQTDL	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh
52	1651010061	Trần Thị Thúy	Vy	29/04/1998	17ĐHQTDL	2.2	Trung bình	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
53	1751010347	Bùi Lại Hoàng	Phú	22/08/1999	17ĐHQTTH	2.34	Trung bình	Quản trị kinh doanh
54	1751010166	Hoàng Thị Trâm	Trâm	28/07/1999	17ĐHQTTH	3.21	Giỏi	Quản trị kinh doanh
55	1751010112	Nguyễn Vũ Thu	Vân	09/07/1999	17ĐHQTVT1	2.25	Trung bình	Quản trị kinh doanh
56	1751010186	Nguyễn Thành An	An	15/07/1999	17ĐHQTVT2	2.57	Khá	Quản trị kinh doanh
57	1751010211	Đinh Phạm Hồng Hà	Hà	02/12/1999	17ĐHQTVT2	2.39	Trung bình	Quản trị kinh doanh
58	1751010172	Trương Thị Hoài Linh	Linh	26/03/1998	17ĐHQTVT2	3.09	Khá	Quản trị kinh doanh
59	1751010258	Trần Quân Bảo	Bảo	15/07/1999	17ĐHQTVT3	2.57	Khá	Quản trị kinh doanh
60	1751010227	Đỗ Thị Phương Lan	Lan	11/10/1999	17ĐHQTVT3	2.8	Khá	Quản trị kinh doanh
61	1751010261	Trần Bảo Phương	Phương	26/01/1999	17ĐHQTVT3	3.25	Giỏi	Quản trị kinh doanh
62	1751010280	Mai Trúc Quỳnh	Quỳnh	14/12/1999	17ĐHQTVT3	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh
63	1751010285	Trần Lê Xuân Quỳnh	Quỳnh	22/06/1999	17ĐHQTVT3	2.6	Khá	Quản trị kinh doanh
64	1751010364	Nguyễn Thị Thu Diễm	Diễm	08/11/1999	17ĐHQTVT4	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh
65	1751010406	Lê Thị Tú Hào	Hào	09/03/1999	17ĐHQTVT5	2.81	Khá	Quản trị kinh doanh
66	1751010073	Ngô Bích Ngọc	Ngọc	26/10/1999	17ĐHQTVT5	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh
67	1851010198	Nguyễn Hoàng Vân Anh	Anh	09/03/2000	18ĐHQTC1	3.05	Khá	Quản trị kinh doanh
68	1851010151	Nguyễn Tiến Đạt	Đạt	27/08/1998	18ĐHQTC1	3.39	Giỏi	Quản trị kinh doanh
69	1851010126	Phan Hữu Đạt	Đạt	01/03/2000	18ĐHQTC1	2.98	Khá	Quản trị kinh doanh
70	1851010168	Bùi Mai Đình	Đình	09/02/2000	18ĐHQTC1	3.23	Giỏi	Quản trị kinh doanh
71	1851010184	Hoàng Thị Việt Hà	Hà	22/06/2000	18ĐHQTC1	3.03	Khá	Quản trị kinh doanh
72	1851010011	Hoàng Thị Thúy Hồng	Hồng	10/09/2000	18ĐHQTC1	3.1	Khá	Quản trị kinh doanh
73	1851010023	Nguyễn Văn Khanh	Khanh	18/09/2000	18ĐHQTC1	3.12	Khá	Quản trị kinh doanh
74	1851010160	Lê Xuân Lộc	Lộc	07/07/2000	18ĐHQTC1	3.21	Giỏi	Quản trị kinh doanh
75	1851010004	Lê Hoài Ngân	Ngân	11/02/2000	18ĐHQTC1	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh
76	1851010358	Hoàng Bảo Ngọc	Ngọc	07/06/2000	18ĐHQTC1	3.25	Giỏi	Quản trị kinh doanh
77	1851010189	Nguyễn Lê Ngọc	Ngọc	27/06/2000	18ĐHQTC1	2.84	Khá	Quản trị kinh doanh
78	1851010103	Nguyễn Quỳnh Phương	Như	21/12/2000	18ĐHQTC1	2.98	Khá	Quản trị kinh doanh
79	1851010086	Ngô Hoàng Đan Thanh	Thanh	20/12/2000	18ĐHQTC1	2.76	Khá	Quản trị kinh doanh
80	1851010133	Nguyễn Thị Thương	Thương	19/01/2000	18ĐHQTC1	3.43	Giỏi	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
81	1851010033	Hồ Khải	Thuyền	05/04/2000	18ĐHQTC1	3.29	Giỏi	Quản trị kinh doanh
82	1851010165	Huỳnh Ngọc Thùy	Trâm	19/10/2000	18ĐHQTC1	3.24	Khá	Quản trị kinh doanh
83	1851010173	Nguyễn Phương	Uyên	28/09/2000	18ĐHQTC1	2.64	Khá	Quản trị kinh doanh
84	1851010217	Danh Thị Thúy	An	12/02/2000	18ĐHQTC2	3.2	Giỏi	Quản trị kinh doanh
85	1851010310	Phạm Hồng Song	Ân	07/01/2000	18ĐHQTC2	2.83	Khá	Quản trị kinh doanh
86	1851010232	Hà Kiều	Anh	13/03/2000	18ĐHQTC2	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh
87	1851010208	Nguyễn Phương	Hạnh	29/09/2000	18ĐHQTC2	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh
88	1851010321	Phạm Thị Tú	Hào	02/06/2000	18ĐHQTC2	2.91	Khá	Quản trị kinh doanh
89	1851010206	Phan Ngọc Diệu	Hiền	21/02/2000	18ĐHQTC2	3.01	Khá	Quản trị kinh doanh
90	1851010265	Lê Thị Thu	Hương	19/10/2000	18ĐHQTC2	3.13	Khá	Quản trị kinh doanh
91	1851010236	Phạm Thị	Huyền	03/08/2000	18ĐHQTC2	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh
92	1851010304	Nguyễn Thị Mai	Linh	28/12/2000	18ĐHQTC2	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh
93	1851010286	Trần Thị	Loan	11/09/2000	18ĐHQTC2	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh
94	1851010228	Nguyễn Thị Yến	Nhi	24/10/2000	18ĐHQTC2	2.9	Khá	Quản trị kinh doanh
95	1851010247	Trần Vũ Xuân	Nhi	10/10/2000	18ĐHQTC2	2.9	Khá	Quản trị kinh doanh
96	1851010298	Lê Tấn	Phát	22/07/2000	18ĐHQTC2	3.31	Giỏi	Quản trị kinh doanh
97	1851010309	Phạm Thanh	Thảo	12/05/2000	18ĐHQTC2	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh
98	1851010285	Phạm Thị Thu	Thi	08/10/2000	18ĐHQTC2	3.12	Khá	Quản trị kinh doanh
99	1851010270	Lê Thị Huyền	Trần	01/06/2000	18ĐHQTC2	3.17	Khá	Quản trị kinh doanh
100	1851010319	Ngô Thanh	Trúc	25/05/2000	18ĐHQTC2	2.97	Khá	Quản trị kinh doanh
101	1851010275	Ngô Thị Cẩm	Tú	30/01/2000	18ĐHQTC2	3.01	Khá	Quản trị kinh doanh
102	1851010292	Phạm Thụy Nhã	Uyên	10/11/2000	18ĐHQTC2	3.18	Khá	Quản trị kinh doanh
103	1851010367	Lương Quý Thanh	Vân	27/07/2000	18ĐHQTC2	3.2	Giỏi	Quản trị kinh doanh
104	1851010331	Lại Minh	Anh	10/08/2000	18ĐHQTC2	2.41	Trung bình	Quản trị kinh doanh
105	1851010340	Lê Thị Kiều	Anh	26/11/2000	18ĐHQTC2	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh
106	1851010128	Phạm Quang	Chiến	04/06/2000	18ĐHQTC2	2.83	Khá	Quản trị kinh doanh
107	1851010320	Nguyễn Hoàng Thu	Hà	11/12/2000	18ĐHQTC2	2.96	Khá	Quản trị kinh doanh
108	1851010142	Nguyễn Duy	Khang	19/08/1999	18ĐHQTC2	2.49	Trung bình	Quản trị kinh doanh
109	1851010299	Trần Hữu Nhật	Long	17/02/2000	18ĐHQTC2	2.93	Khá	Quản trị kinh doanh



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
110	1851010291	Trần Thị Ngọc	Mai	23/09/2000	18ĐHQTDL	3.19	Khá	Quản trị kinh doanh
111	1851010042	Đoàn Thị Thu	Nga	11/11/2000	18ĐHQTDL	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh
112	1851010353	Tha Kim	Ngân	19/10/2000	18ĐHQTDL	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh
113	1851010266	Châu Thị Hồng	Phúc	19/09/2000	18ĐHQTDL	3.28	Giỏi	Quản trị kinh doanh
114	1851010271	Nguyễn Vương Ngọc	Phượng	16/03/2000	18ĐHQTDL	3.3	Giỏi	Quản trị kinh doanh
115	1851010123	Nguyễn Ngọc Kiều	Trinh	18/06/2000	18ĐHQTDL	3.19	Khá	Quản trị kinh doanh
116	1851010341	Phạm Thị	Vân	19/09/2000	18ĐHQTDL	3.02	Khá	Quản trị kinh doanh
117	1851010007	Đinh Mỹ Thúy	An	15/11/2000	18ĐHQTVT1	3.02	Khá	Quản trị kinh doanh
118	1851010052	Giang Thị Kiều	Anh	09/11/2000	18ĐHQTVT1	3.32	Giỏi	Quản trị kinh doanh
119	1851010015	Nguyễn Quỳnh	Anh	20/10/2000	18ĐHQTVT1	3.06	Khá	Quản trị kinh doanh
120	1851010056	Nguyễn Vân	Anh	26/04/2000	18ĐHQTVT1	3.02	Khá	Quản trị kinh doanh
121	1851010100	Huỳnh Bảo	Châu	27/05/2000	18ĐHQTVT1	3	Khá	Quản trị kinh doanh
122	1851010060	Trần Phước	Đạt	26/05/2000	18ĐHQTVT1	2.76	Khá	Quản trị kinh doanh
123	1851010084	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	27/11/2000	18ĐHQTVT1	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh
124	1851010018	Nguyễn Thị	Duyên	12/08/2000	18ĐHQTVT1	2.9	Khá	Quản trị kinh doanh
125	1851010043	Hoàng Thị Ngân	Giang	09/01/2000	18ĐHQTVT1	2.93	Khá	Quản trị kinh doanh
126	1851010074	Bùi Thị Hồng	Hà	18/11/2000	18ĐHQTVT1	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh
127	1851010079	Nguyễn Ngọc Vũ	Hà	20/04/2000	18ĐHQTVT1	3.1	Khá	Quản trị kinh doanh
128	1851010354	Phan Thị Cẩm	Hằng	30/04/2000	18ĐHQTVT1	3.03	Khá	Quản trị kinh doanh
129	1851010094	Giang Trần Gia	Hào	10/12/2000	18ĐHQTVT1	3.29	Giỏi	Quản trị kinh doanh
130	1851010061	Nguyễn Thy Xuân	Hiếu	22/01/2000	18ĐHQTVT1	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh
131	1851010050	Trần Việt Anh	Linh	29/09/2000	18ĐHQTVT1	3.46	Giỏi	Quản trị kinh doanh
132	1851010091	Trương Yến	Linh	22/12/2000	18ĐHQTVT1	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh
133	1851010020	Quách Kim	Mỹ	27/10/2000	18ĐHQTVT1	3.45	Giỏi	Quản trị kinh doanh
134	1851010046	Lã Bảo	Ngọc	23/03/2000	18ĐHQTVT1	3.23	Giỏi	Quản trị kinh doanh
135	1851010012	Nguyễn Đỗ Uyên	Nhi	02/02/2000	18ĐHQTVT1	3.39	Giỏi	Quản trị kinh doanh
136	1851010025	Lê Thị Phương	Thùy	15/06/2000	18ĐHQTVT1	2.8	Khá	Quản trị kinh doanh
137	1851010013	Dương Bảo	Trâm	04/10/2000	18ĐHQTVT1	3.26	Giỏi	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
138	1851010019	Ngô Nguyễn Ngọc	Trâm	25/10/2000	18ĐHQTVT1	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh
139	1851010024	Mạc Nguyễn Thảo	Vân	01/06/2000	18ĐHQTVT1	2.89	Khá	Quản trị kinh doanh
140	1851010008	Đào Hải	Yến	24/03/2000	18ĐHQTVT1	3.27	Giỏi	Quản trị kinh doanh
141	1851010106	Nguyễn Thị Thùy	Dung	20/05/2000	18ĐHQTVT2	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh
142	1851010132	Trần Thị Quỳnh	Hoa	26/03/2000	18ĐHQTVT2	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh
143	1851010129	Vũ Thị Hồng	Hoa	26/02/2000	18ĐHQTVT2	3.35	Giỏi	Quản trị kinh doanh
144	1851010130	Phạm Thị Thu	Hồng	03/03/2000	18ĐHQTVT2	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh
145	1851010131	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	26/05/2000	18ĐHQTVT2	3.03	Khá	Quản trị kinh doanh
146	1851010149	Phạm Thị	Lan	05/04/2000	18ĐHQTVT2	3.22	Giỏi	Quản trị kinh doanh
147	1851010147	Nguyễn Minh	Lập	01/01/2000	18ĐHQTVT2	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh
148	1851010099	Nguyễn Quang Thuận	Minh	17/03/2000	18ĐHQTVT2	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh
149	1851010072	Dương Hải	My	10/06/2000	18ĐHQTVT2	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh
150	1851010066	Đỗ Ngọc Phương	Ngân	16/09/2000	18ĐHQTVT2	3.31	Giỏi	Quản trị kinh doanh
151	1851010096	Trần Nguyễn Vân	Nhi	26/09/2000	18ĐHQTVT2	2.63	Khá	Quản trị kinh doanh
152	1851010111	Nguyễn Gia	Phúc	19/04/2000	18ĐHQTVT2	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh
153	1851010080	Nguyễn Thị Thu	Phuong	19/01/2000	18ĐHQTVT2	3.02	Khá	Quản trị kinh doanh
154	1851010090	Vũ Thị Thùy	Tân	02/01/2000	18ĐHQTVT2	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh
155	1851010146	Nguyễn Thị	Thanh	10/05/2000	18ĐHQTVT2	3.02	Khá	Quản trị kinh doanh
156	1851010143	Mai Thị Phương	Thảo	16/02/2000	18ĐHQTVT2	3.08	Khá	Quản trị kinh doanh
157	1851010062	Phạm Ngọc Minh	Thy	26/11/2000	18ĐHQTVT2	3.15	Khá	Quản trị kinh doanh
158	1851010356	Trần Huỳnh Minh	Trí	03/09/2000	18ĐHQTVT2	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh
159	1851010065	Nguyễn Minh	Triều	29/05/2000	18ĐHQTVT2	3.1	Khá	Quản trị kinh doanh
160	1851010102	Lê Thị Hải	Vân	08/09/2000	18ĐHQTVT2	3.03	Khá	Quản trị kinh doanh
161	1851010070	Bùi Thanh	Vy	08/03/2000	18ĐHQTVT2	3.14	Khá	Quản trị kinh doanh
162	1851010243	Chế Thị Kim	Anh	13/07/2000	18ĐHQTVT3	2.98	Khá	Quản trị kinh doanh
163	1851010221	Võ Hoàng	Bảo	17/07/2000	18ĐHQTVT3	3.58	Giỏi	Quản trị kinh doanh
164	1851010158	Lê Thị Thanh	Diệu	11/08/2000	18ĐHQTVT3	3.26	Giỏi	Quản trị kinh doanh
165	1851010193	Vũ Thị Thu	Hà	01/07/2000	18ĐHQTVT3	2.91	Khá	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
166	1851010195	Lê Thị Duyên	17/06/2000	18ĐHQTVT3	3.34	Giỏi	Quản trị kinh doanh
167	1851010225	Hồ Ngọc Thùy	24/04/2000	18ĐHQTVT3	3.19	Khá	Quản trị kinh doanh
168	1851010249	Bùi Quang	05/10/2000	18ĐHQTVT3	3.48	Giỏi	Quản trị kinh doanh
169	1851010211	Phan Ngọc	28/07/2000	18ĐHQTVT3	2.97	Khá	Quản trị kinh doanh
170	1851010153	Trần Hồng	29/04/2000	18ĐHQTVT3	3.02	Khá	Quản trị kinh doanh
171	1851010200	Lê Đặng Linh	02/06/2000	18ĐHQTVT3	3.26	Giỏi	Quản trị kinh doanh
172	1851010201	Lê Đặng Yến	02/06/2000	18ĐHQTVT3	3.1	Khá	Quản trị kinh doanh
173	1851010186	Lê Hoàng	11/11/2000	18ĐHQTVT3	3.22	Giỏi	Quản trị kinh doanh
174	1851010191	Hà Thị	10/11/2000	18ĐHQTVT3	3.35	Giỏi	Quản trị kinh doanh
175	1851010197	Phan Thị Thùy	31/03/2000	18ĐHQTVT3	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh
176	1851010176	Nguyễn Thị Phương	13/11/2000	18ĐHQTVT3	3.13	Khá	Quản trị kinh doanh
177	1851010297	Trần Hoàng	04/03/2000	18ĐHQTVT4	3.4	Giỏi	Quản trị kinh doanh
178	1851010282	Nguyễn Đặng Khác	29/01/2000	18ĐHQTVT4	3.03	Khá	Quản trị kinh doanh
179	1851010345	Phạm Thùy	20/03/2000	18ĐHQTVT4	3.05	Khá	Quản trị kinh doanh
180	1851010262	Lê Thị	12/02/2000	18ĐHQTVT4	2.88	Khá	Quản trị kinh doanh
181	1851010294	Lê Thị Ngọc	02/08/2000	18ĐHQTVT4	3.18	Khá	Quản trị kinh doanh
182	1851010267	Ninh Thị	22/09/2000	18ĐHQTVT4	3.05	Khá	Quản trị kinh doanh
183	1851010349	Trần Thị Thanh	03/12/2000	18ĐHQTVT4	2.92	Khá	Quản trị kinh doanh
184	1851010216	Nguyễn Duy	16/03/2000	18ĐHQTVT4	3.04	Khá	Quản trị kinh doanh
185	1851010214	Lâm Thị Thùy	04/01/2000	18ĐHQTVT4	2.72	Khá	Quản trị kinh doanh
186	1851010272	Nguyễn Thị Ngọc	19/02/2000	18ĐHQTVT4	3.03	Khá	Quản trị kinh doanh
187	1851010311	Tăng Như	13/12/2000	18ĐHQTVT4	2.88	Khá	Quản trị kinh doanh
188	1851010325	Lê Nguyễn Minh	02/09/2000	18ĐHQTVT4	3.22	Giỏi	Quản trị kinh doanh
189	1851010327	Nguyễn Minh	31/10/2000	18ĐHQTVT4	2.79	Khá	Quản trị kinh doanh
190	1851010241	Nguyễn Thị Thanh	01/05/2000	18ĐHQTVT4	3.43	Giỏi	Quản trị kinh doanh
191	1851010235	Hồ Trương Lê Quỳnh	19/08/2000	18ĐHQTVT4	2.98	Khá	Quản trị kinh doanh
192	1851010207	Nguyễn Thị Cẩm	03/01/2000	18ĐHQTVT4	2.89	Khá	Quản trị kinh doanh
193	1851010302	Phạm Thanh	26/02/2000	18ĐHQTVT4	3.04	Khá	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
194	1851010205	Bùi Kim	Trình	20/02/2000	18ĐHQTVT4	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh
195	1851010219	Đoàn Thùy Tuyết	Trình	03/03/2000	18ĐHQTVT4	3.18	Khá	Quản trị kinh doanh
196	1851010223	Nguyễn Văn	Trưởng	29/03/2000	18ĐHQTVT4	3.2	Giỏi	Quản trị kinh doanh
197	1851010230	Trần Nguyễn Minh	Tú	19/10/2000	18ĐHQTVT4	3.02	Khá	Quản trị kinh doanh
198	1851010343	Ngô Mỹ	Uyên	27/09/2000	18ĐHQTVT4	3.08	Khá	Quản trị kinh doanh
199	1851010317	Nguyễn Trần Xuân	Vy	18/04/2000	18ĐHQTVT4	3.09	Khá	Quản trị kinh doanh
200	1851010242	Trần Thị Thanh	Xuân	06/09/2000	18ĐHQTVT4	3.04	Khá	Quản trị kinh doanh
201	1651010149	Đỗ Thị Minh	Phượng	27/04/1998	QTDL1-K10	2.55	Khá	Quản trị kinh doanh
202	1551010128	Tôn Thất Thanh	Liêm	30/07/1996	QTDL1-K9	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh
203	1551010079	Nguyễn Thị Kim	Phượng	01/04/1997	QTDL1-K9	2.68	Khá	Quản trị kinh doanh
204	1551010177	Mạnh Hồng	Vì	13/09/1997	QTDL1-K9	2.43	Trung bình	Quản trị kinh doanh
205	1651010062	Tạ Thị Mỹ	Duyên	18/11/1998	QTDL2-K10	2.19	Trung bình	Quản trị kinh doanh
206	1451010005	Đinh Thị Kim	Anh	22/09/1996	QTKDCHK1-K8	2.21	Trung bình	Quản trị kinh doanh
207	1451010035	Nguyễn Thị Lan	Anh	08/01/1996	QTKDCHK1-K8	2.34	Trung bình	Quản trị kinh doanh
208	1451010067	Trần Nguyễn Thanh	Hào	29/08/1996	QTKDCHK1-K8	2.53	Khá	Quản trị kinh doanh
209	1451010070	Nguyễn Thị Ngọc	Tý	10/06/1996	QTKDCHK1-K8	2.27	Trung bình	Quản trị kinh doanh
210	1451010080	Phạm Thị	Yến	05/10/1996	QTKDCHK1-K8	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh
211	1551010071	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17/07/1996	QTKDCHK1-K9	2.72	Khá	Quản trị kinh doanh
212	1451010173	Lê Huỳnh	Quý	25/10/1996	QTKDCHK1-K9	2.68	Khá	Quản trị kinh doanh
213	1451010264	Nguyễn Thị Thái	Lan	03/02/1996	QTKDCHK2-K8	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh
214	1551010371	Trần Hoàng	Trung	18/07/1996	QTKDCHK2-K9	3.01	Khá	Quản trị kinh doanh
215	1451010398	Phạm Văn	Thông	13/03/1992	QTKDCHK3-	2.7	Khá	Quản trị kinh doanh



Số TT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
				K8			
216	1451010318	Nguyễn Kim	02/11/1996	QTKDCHK3-K8	2	Trung bình	Quản trị kinh doanh
217	1651010298	Phạm Thị Thu	20/05/1998	QTKDTH1-K10	2.32	Trung bình	Quản trị kinh doanh
218	1651010170	Nguyễn Hoàng	15/08/1996	QTKDTH1-K10	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh
219	1451010288	Lý Thị Hồng	25/04/1995	QTKDTH-K8	2.26	Trung bình	Quản trị kinh doanh
220	1551010041	Nguyễn Ánh	26/09/1997	QTKDTH-K9	2.35	Trung bình	Quản trị kinh doanh
221	1651010112	Võ Hoài	10/01/1997	QTKDVTHK1-K10	2.15	Trung bình	Quản trị kinh doanh
222	1451010105	Trần Thị	18/06/1996	QTKDVTHK1-K8	2.7	Khá	Quản trị kinh doanh
223	1451010087	Bùi Phương	21/09/1996	QTKDVTHK1-K8	2.11	Trung bình	Quản trị kinh doanh
224	1451010066	Đoàn Phạm Thúy	08/03/1996	QTKDVTHK1-K8	2.26	Trung bình	Quản trị kinh doanh
225	1551010200	Lê Thị Phương	19/09/1997	QTKDVTHK1-K9	2.42	Trung bình	Quản trị kinh doanh
226	1551010081	Mạch Mai	10/07/1997	QTKDVTHK1-K9	2.64	Khá	Quản trị kinh doanh
227	1451010200	Hà Lê Anh	17/10/1996	QTKDVTHK2-K8	2.4	Trung bình	Quản trị kinh doanh
228	1451010191	Điền Ngọc Tố	23/03/1996	QTKDVTHK2-K8	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh
229	1651010444	Lý Nhật	30/09/1998	QTKDVTHK3-K10	2.09	Trung bình	Quản trị kinh doanh
230	1651010374	Đoàn Thị Thanh	03/12/1998	QTKDVTHK3-K10	2.93	Khá	Quản trị kinh doanh
231	1451010356	Lê Thị Đoan	30/04/1996	QTKDVTHK3-K8	2.46	Trung bình	Quản trị kinh doanh
232	1451010277	Huỳnh Nguyễn	24/01/1996	QTKDVTHK3-K8	2.47	Trung bình	Quản trị kinh doanh



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
		Nhung			K8			
233	1451010347	Nguyễn Hoàng	Yến	17/08/1996	QTKDVTHK3-K8	2.05	Trung bình	Quản trị kinh doanh
234	1551010436	Nguyễn Thanh	Hoàng	01/06/1997	QTKDVTHK3-K9	2.04	Trung bình	Quản trị kinh doanh
235	1651010421	Lê Như	Ý	17/07/1998	QTKDVTHK4-K10	2.16	Trung bình	Quản trị kinh doanh
236	1551010055	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	05/06/1997	QTKDVTHK4-K9	2.7	Khá	Quản trị kinh doanh
237	1551010464	Đỗ Huyền	Trang	28/02/1997	QTKDVTHK4-K9	2.44	Trung bình	Quản trị kinh doanh
238	1731010011	Huỳnh Cẩm	Hương	05/11/1997	17ĐVQT01	2.55	Khá	Quản trị kinh doanh
239	1731010024	Trần Nguyễn Băng	Tâm	11/11/1998	17ĐVQT01	2.97	Khá	Quản trị kinh doanh

Tổng cộng danh sách này có 239 sinh viên được công nhận tốt nghiệp.